

Bản án số: 26/2017/DS-ST

Ngày: 26/5/2017.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thiên Hoàng
2. Ông Võ Hoàng Ái

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa:

Bà Phan Thị Mỹ Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 237/2016/TLST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2016 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2017/QĐXX-ST ngày 30/3/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2017/QĐST- DS ngày 11/5/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Lệ A - Sinh năm 1972.

Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường N.H, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Võ Thị Xuân B - Sinh năm 1972.

Địa chỉ: Tổ dân phố TK, phường NĐ, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 22/10/2016 của bà Lê Thị Lệ A và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị Lệ A trình bày: Bà Lê Thị Lệ A và bà Võ Thị Xuân B có mối quan hệ làm ăn mua bán với nhau, bà A đã cho bà B mượn tiền nhiều lần. Đến ngày 15/7/2016, bà B chốt nợ và viết, ký vào giấy mượn tiền của bà A với số tiền 123.000.000đ (Một trăm hai mươi ba triệu đồng). Ngày 08/4/2016, bà B đã trả cho bà A số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Đến nay, bà A đã nhiều lần yêu cầu bà B thanh toán số tiền nợ còn lại nhưng bà B chây ỳ không chịu trả. Vì vậy, bà A yêu cầu bà B trả một lần số tiền đã mượn còn lại là 103.000.000đ (Một trăm lẻ ba triệu đồng). Bà A không yêu cầu tính lãi.

* Bị đơn bà Võ Thị Xuân B mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên không lấy được lời khai và không hòa giải được.

* Ý kiến của Kiểm sát viên: Trong quá trình tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay đã chứng minh bà Võ Thị Xuân B có mượn của bà Lê Thị Lệ A số tiền 123.000.000đ, bà B đã trả cho bà A được 20.000.000đ, còn nợ lại 103.000.000đ, bà B không thực hiện việc trả số tiền đã mượn là vi phạm hợp đồng giữa hai bên đã xác lập. Do vậy, yêu cầu của bà A là có căn cứ chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Võ Thị Xuân B trả 103.000.000đ cho bà Lê Thị Lệ A.

Bị đơn bà Võ Thị Xuân B mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng. Như vậy, bà B đã từ bỏ quyền lợi của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà Võ Thị Xuân B nhưng bà B cố tình vắng mặt không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt bà Võ Thị Xuân B.

Về quan hệ tranh chấp: Xác định đây là quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

[2] Về nội dung vụ án: Bà Lê Thị Lệ A có cho bà Võ Thị Xuân B mượn tiền nhiều lần với tổng số tiền là 123.000.000đ (Một trăm hai mươi ba triệu đồng). Ngày 08/4/2016, bà B đã trả cho bà A được 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Bà B còn nợ bà A 103.000.000đ (Một trăm lẻ ba triệu đồng).

Xét Giấy mượn tiền ngày 15/7/2016, thực chất là hợp đồng vay tài sản, việc thỏa thuận vay mượn giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện. Về nội dung và hình thức của hợp đồng cơ bản là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng vay tài sản giữa các bên là hợp pháp.

Đối với yêu cầu của bà Lê Thị Lệ A, buộc bà Võ Thị Xuân B phải trả cho bà 103.000.000đ. Theo Giấy nhận nợ ngày 15/7/2016, bà B nợ bà A với số tiền mượn 123.000.000đ, đây là hợp đồng thuộc trường hợp vay không kỳ hạn, không thỏa thuận tiền lãi, các bên không thống nhất ngày sẽ trả nợ. Tuy nhiên, ngày 08/4/2016 bà B đã trả cho bà A được 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Bà B còn nợ bà A 103.000.000đ (Một trăm lẻ ba triệu đồng). Bà A đã nhiều lần yêu cầu bà B trả nợ cho bà nhưng bà B không trả. Bà B đã mượn tiền bà A mà không trả nợ cho bà A là vi phạm hợp đồng giữa hai bên. Do vậy, yêu cầu của bà A là có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận định cần buộc bà Võ Thị Xuân B trả 103.000.000đ cho bà Lê Thị Lệ A.

Bị đơn bà Võ Thị Xuân B vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi hòa giải, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng bà Tài vẫn vắng mặt không có lý do. Cho nên, Tòa án

không lấy được lời khai cũng như ý kiến của bị đơn. Như vậy, bà B đã từ bỏ quyền lợi của mình.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bà Võ Thị Xuân B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $103.000.000đ \times 5\% = 5.150.000đ$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 264; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466; Điều 469 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị Lệ A. Buộc bà Võ Thị Xuân B phải trả cho bà Lê Thị Lệ A số tiền 103.000.000đ (Một trăm lẻ ba triệu đồng).

Quy định chung: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành các khoản tiền trên thì phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 của bộ luật dân sự 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí: Bà Võ Thị Xuân B phải nộp 5.150.000đ (Năm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Lê Thị Lệ A số tiền 3.228.000đ (Ba triệu hai trăm hai mươi tám nghìn đồng) tiền tạm án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0012857 ngày 14/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án, tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Tx. Ninh Hòa;
- Thi hành án dân sự Tx.Ninh Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tuấn